

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-PT
Ngày 13 - 5 - 2022
Về việc ly hôn và tranh chấp nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Văn Sung – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2022/QĐ-PT- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thiên H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã PĐ, huyện TM, tỉnh ĐT.

Tạm trú: Số XX ấp PH, xã PH, thành phố BT, tỉnh BT (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Linh T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Tân Thông 1, xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người làm chứng do chị Lê Thị Thiên H tự triệu tập:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã PĐ, huyện TM, tỉnh ĐT.

Tạm trú: Số XX ấp PH, xã PH, thành phố BT, tỉnh BT (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Trần Linh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thiên H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Linh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 08/01/2020. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng về sau những mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh do thường xuyên bất đồng quan điểm sống và anh T thường hay chửi bèn gia đình chị nhưng chị vẫn cố gắng bỏ qua để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được do mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, không thể sống chung với nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T. Chị không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Lê Uyên N, sinh ngày 04/7/2020. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu N, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Linh T trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị H về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là trong quá trình chung sống chị H không chăm chỉ làm ăn, không phụ công việc cơm nước trong nhà, còn vô lễ với cha mẹ anh nên phát sinh mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu. Khoảng 07 tháng sau khi cưới, chị H tự ý thu gom quần áo, bỏ nhà chồng đi về bên gia đình ruột ở đến nay. Khi đó chị H đang mang thai khoảng 03 tháng, sau đó anh có đến thăm. Sau khi chị H sinh con, anh có qua rước nhưng chị H không đồng ý về. Đến tháng 6 năm 2021, khi dịch bệnh bùng phát, anh có đến thăm và đem con về nhà anh chăm sóc cho đến nay. Nay anh thấy không còn tình cảm với chị H, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Anh không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Trần Lê Uyên N, sinh ngày 04/7/2020. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị H cấp

dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thiên H với anh Trần Linh T.

2. Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Thiên H được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Lê Uyên N , sinh ngày 04/7/2020, anh Trần Linh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Thiên H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T trình bày trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không đề cập.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, anh Trần Linh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, anh yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng

nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Linh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh cho rằng Tòa sơ thẩm giao cho chị H nuôi dưỡng cháu N là không khách quan, không dựa trên cơ sở chứng cứ mà anh đã cung cấp cho Tòa, dẫn đến không bảo đảm điều kiện sống tốt nhất cho con anh sau này. Bởi lẽ anh có nhà, có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, bảo đảm được điều kiện sống, sinh hoạt cho con anh. Ngược lại, chị H có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không nơi ở ổn định (ở nhà tạm cất trên đất của người khác chỉ khoảng 40 m²). Công việc làm của chị H cũng không ổn định (thợ may mặc gia công), có hàng thì làm, không có thì nghỉ, thu nhập thấp. Vì vậy, anh yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Người làm chứng bà Trần Thị P trình bày: Bà là mẹ ruột của chị Hương, sở dĩ anh T đang nuôi con là khi anh T đến thăm con thì anh T tự đem con về nuôi, không có sự đồng ý của chị H. Khi chị H qua thăm con thì anh T và gia đình anh có lời lẽ chửi chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung kháng cáo: Anh Trần Linh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, anh yêu cầu được quyền nuôi con chung là cháu Trần Lê Uyên N, sinh ngày 04/7/2020, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện tại cháu N đang dưới 36 tháng tuổi, giới tính nữ; chị H đang sinh sống tại số nhà 12/B3, ấp Phú Hữu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre; chị H có công việc ổn định, làm Tổ trưởng Cơ sở may Long Châu tại ấp Phú Chiến, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre với thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng (Bút lứt 50), chị H đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T không chứng minh được việc chị H không đủ điều kiện nuôi con, xét thấy cấp sơ thẩm quyết định giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, kháng cáo của anh T yêu cầu được quyền nuôi con là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Linh T; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung. Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm (về hôn nhân, về án phí sơ thẩm) không có kháng cáo, không có kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị

đơn anh Trần Linh T. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Linh T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung: Sau khi Tòa án sơ thẩm tuyên án, các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị về các nội dung này nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về con chung: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cho chị H được quyền nuôi con chung là cháu Trần Lê Uyển Nhi, sinh ngày 04/7/2020. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Anh T kháng cáo, anh yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét kháng cáo của anh Trần Linh T, nhận thấy: Hiện tại cháu N đang dưới 36 tháng tuổi. Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Xét thấy, chị H không có thỏa thuận giao con cho anh T nuôi dưỡng, đồng thời theo đơn xin xác nhận lương và xác nhận công tác của chị H đề ngày 01/12/2021 thì hiện tại chị H đang sinh sống tại số 12/B3, ấp Phú Hữu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre; chị H có công việc ổn định, làm Tổ trưởng Cơ sở may Long Châu tại ấp Phú Chiến, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre với mức lương 8.000.000 đồng/tháng (Bút lứt 50, 63), như vậy chị H có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cho rằng chị H không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con vì có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không nơi ở ổn định và thu nhập thấp nhưng anh T không có chứng cứ chứng minh những vấn đề này.

[2.3] Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu Trần Lê Uyển Nhi cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo sự phát triển toàn diện về mọi mặt của cháu N, kháng cáo của anh T yêu cầu được quyền nuôi con là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay anh T đang nuôi cháu N, chị H cho rằng khi anh T đến thăm con đã tự đem con về nuôi chứ chị không có giao con. Cấp sơ thẩm quyết định giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi con nhưng không buộc anh T giao con cho chị H nuôi dưỡng là chưa đảm bảo cho việc thi hành án nên cấp phúc thẩm quyết định bổ sung, buộc anh T có nghĩa vụ giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ nguyên

bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Trần Linh T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Linh T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về con chung: Chị Lê Thị Thiên H và anh Trần Linh T có 01 con chung là cháu Trần Lê Uyên N, sinh ngày 04/7/2020.

Chị Lê Thị Thiên H được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Lê Uyên N, sinh ngày 04/7/2020. Buộc anh Trần Linh T có nghĩa vụ giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng. Anh Trần Linh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Thiên H không có yêu cầu cấp dưỡng.

Anh Trần Linh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Lê Uyên N mà không ai được cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N thì chị Lê Thị Thiên H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu N của anh T.

Chị Lê Thị Thiên H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Linh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của anh Trần Linh T, chị Lê Thị Thiên H hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Các nội dung khác về hôn nhân, tài sản chung, nợ chung và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Trần Linh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004960 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Bắc;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt